

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *254* /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày *20* tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh tại Tờ trình số 120/Tr-SNV ngày 12/01/2017;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (PARI) và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2016 của các sở, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

(Có Phụ lục Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính năm 2016 kèm theo)

Do Sở Du lịch mới được tách ra và thành lập mới từ tháng 6/2016 nên sẽ thực hiện đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách thành chính từ năm 2017.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 đề ra kế hoạch, biện pháp, giải pháp khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế (đã nêu trong Phụ lục kèm theo) để thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của tỉnh (báo cáo kết quả khắc phục trong Báo cáo cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2017).

Căn cứ kết quả cải cách hành chính, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy

ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và xử lý các cơ quan, đơn vị, cá nhân yếu kém.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / B

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban TĐ-KT tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, DL, LT.



Nguyễn Duy Bắc



PHỤ LỤC

XẾP HẠNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 254 /QĐ-UBND ngày 20/01/2017)

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
I	KHỐI SỞ						
1	Sở Khoa học và Công nghệ	99	92,5	92,25	93,18%	TỐT	<ul style="list-style-type: none">- Không tham gia xây dựng Chương trình hành động của Tỉnh ủy theo Công văn số 1618/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II);- Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II);- Có thống kê nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
2	Sở Thông tin và Truyền thông	99	94,5	92	92,93%	TỐT	<ul style="list-style-type: none">- Ban hành kế hoạch cải cách hành chính quá thời gian quy định (tiêu chí 1.1 Mục I);- Báo cáo rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II);- Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II).
3	Thanh tra tỉnh	84	80	78	92,86%	TỐT	
4	Sở Công Thương	99	88	91,25	92,17%	TỐT	<ul style="list-style-type: none">- Chưa tích cực tổ chức tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, thủ tục hành chính (tiêu chí 5.2 Mục I);- Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II);- Đã thực hiện tổng hợp nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II);- Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
5	Văn phòng UBND tỉnh	84	83,5	76,75	91,37%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ (tiêu chí 1.1 Mục I); - Có thực hiện tổng hợp tình hình tiếp nhận - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho các Sở, ban, ngành, địa phương hàng tháng tuy nhiên không có đánh giá để khắc phục việc phải trả lại hồ sơ (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
6	Sở Nội vụ	99	93	90	90,91%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp theo quy định (tiêu chí 1.4 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Đã thực hiện tổng hợp nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử chưa phù hợp (tiêu chí 4.4.2 Mục II).
7	Sở Tư pháp	99	92,5	88,5	89,39%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ, xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ thiếu lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tiêu chí 1.1, 1.2 Mục I); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử chưa phù hợp (tiêu chí 4.4.2 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1.2 Mục II).
8	Sở Tài chính	97	90	85,5	88,14%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa ban hành văn bản xử lý, chấn chỉnh những hạn chế, tồn tại sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							- Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
9	Sở Y tế	99	88,5	86	86,87%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Không thực hiện báo cáo theo Công văn số 317/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Mức độ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để trao đổi công việc còn thấp (tiêu chí 7.2.2 Mục II); - Chưa thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh năm 2016.
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	99	87	84	84,85%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện Quy chế làm việc theo Quyết định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức (tiêu chí 3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II).
11	Sở Giao thông vận tải	99	87	82,5	83,33%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ thiếu lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan (tiêu chí 1.2, 1.4 Mục I); - Đã tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính, có biên bản kiểm tra nhưng không có Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, đồng thời có văn bản chấn chỉnh xử lý, khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra (tiêu chí 2.2, 2.3 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Không thực hiện báo cáo theo Công văn số 1618/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<p>tu (tiêu chí 1.1 Mục II);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại Sở phát hiện một số thủ tục hành chính còn tồn tại bất cập tuy nhiên Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính của Sở không đề xuất phương án sửa đổi (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện Quy chế làm việc theo Quyết định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức (tiêu chí 3.2 Mục II); - Có thực hiện tổng hợp kết quả giải quyết hồ sơ, tuy nhiên phần đánh giá được lặp đi lặp lại qua các tháng và không có biện pháp khắc phục các tồn tại đã nêu tại phần đánh giá (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
12	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	99	96,5	82,25	83,08%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, không có báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra (tiêu chí 2.2 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ chưa đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Không tham gia xây dựng Nghị quyết Trung ương và Chương trình xúc tiến đầu tư 2017 (tiêu chí 1.1 Mục II); - Báo cáo rà soát WTO không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực người có công (tiêu chí 2.2 Mục II); - Không Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện Quy chế làm việc theo Quyết định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức (tiêu chí 3.2 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
13	Sở Văn hóa và Thể thao	99	94	81,25	82,07%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Không báo cáo theo Công văn số 1320/SKHĐT-TH và Công văn số 2062/SKHĐT-XTĐT của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II); - Rà soát trẻ Nghị Quyết HĐND tỉnh từ 7/2011-3/2016 (tiêu chí 1.2 Mục II); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp theo quy định (tiêu chí 1.4

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<p>Mục II);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Cung cấp thông tin chưa đầy đủ và kịp thời trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1 Mục II).
14	Sở Xây dựng	99	88	78,5	79,29%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia xây dựng Chương trình hành động Trung ương - Công văn số 1618/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chương trình xúc tiến đầu tư - Công văn số 2062/SKHĐT-TTXX của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II); - Báo cáo rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, do đó cũng chưa có Quy chế phù hợp với quy định mới (tiêu chí 3.1, 3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1.2 Mục II).
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	99	86	77,5	78,28%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ chưa đầy đủ các lĩnh vực, kế hoạch chưa xác định được sản phẩm, trách nhiệm và thời gian thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính đề ra trong kế hoạch, chưa hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch (tiêu chí 1.2, 1.3, 1.4 Mục I) - Không báo cáo theo Công văn số 317/SKHĐT-TH và Công văn 1616/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp theo quy định (tiêu chí 1.4 Mục II); - Phần mềm Một cửa điện tử niêm yết công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định của UBND tỉnh - 35/41 thủ tục (tiêu chí 2.2 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THÂM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Báo cáo tổng hợp kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không đầy đủ các lĩnh vực tiếp nhận tại Sở (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1.2 Mục II).
16	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong	97	88,5	75,75	78,09%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (tiêu chí 1.3 Mục II); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp theo quy định (tiêu chí 1.4 Mục II); - Không Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Sở Tư pháp theo quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Thực hiện tổng hợp nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (4.4.1 Mục II); - Chưa thực hiện đăng tải công bố áp dụng Hệ thống QLCL ISO 9001:2008 trên trang thông tin điện tử của cơ quan (tiêu chí 7.3.2 Mục II).
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	99	84,5	74,75	75,51%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ, quá 45 ngày so với thời gian quy định (tiêu chí 1.1 Mục I); - Đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính, tuy nhiên chỉ có biên bản kiểm tra, không có thông báo kết luận kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ chưa đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa ban hành Quyết định kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu giúp việc công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Không báo cáo theo Công văn số 317/SKHĐT-TH và Công văn số 1618/SKHĐT-TH của Sở Kế hoạch và Đầu tư (tiêu chí 1.1 Mục II); - Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Không Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<ul style="list-style-type: none"> - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử chưa phù hợp (tiêu chí 4.4.2 Mục II).
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	99	86,25	72,5	73,23%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ thiếu lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy (tiêu chí 1.2 Mục I); - Chưa có văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Chưa tổ chức tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, thủ tục hành chính cho các đơn vị thuộc và trực thuộc (tiêu chí 5.2 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời gian quy định (tiêu chí 1.2 Mục II); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp (tiêu chí 1.4 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa - thiếu thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, không đầy đủ, chính xác lĩnh vực biển, hải đảo (tiêu chí 2.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa theo quy định tại Khoản 2, Điều 15, Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh (tiêu chí 4.3 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa đầy đủ và kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
19	Ban Dân tộc	70	50,5	46	65,71%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ, chưa đánh giá mức độ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.1, 1.4 Mục I); - Đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tuy nhiên chưa có văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trễ (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa đầy đủ và kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1 Mục II); - Mức độ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để trao đổi công việc còn thấp (tiêu chí 7.2.2 Mục II); - Không thực hiện duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã được thiết lập (tiêu chí 7.3 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
20	Sở Ngoại vụ	97	77,5	60	63,16%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ chưa đầy đủ, không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (tiêu chí 1.3 Mục II); - Không xây dựng Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, không báo cáo việc thực hiện kế hoạch (tiêu chí 2.3 Mục II); - Chưa hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo quy định tại Nghị

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<p>định số 24/2014/NĐ-CP, do đó cũng chưa có Quy chế phù hợp với quy định mới (tiêu chí 3.1, 3.2 Mục II);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp - 59% hồ sơ đúng hạn (tiêu chí 4.5 Mục II); - Không Báo cáo tình hình tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý (tiêu chí 5.6 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa đầy đủ và kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
II	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC						
21	Cục Thuế tỉnh	100	94	90,5	90,50%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ chưa đầy đủ 07 lĩnh vực cải cách hành chính, các kết quả đạt được chưa được xác định rõ ràng, cụ thể (tiêu chí 1.2, 1.3 Mục I); - Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính dưới 30% đơn vị thuộc và trực thuộc (tiêu chí 2.1 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
22	Cục Hải quan tỉnh	100	96	86	86,00%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ so với Quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Tổng cục Hải quan, Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ chưa đầy đủ 07 lĩnh vực cải cách hành chính, các kết quả đạt được chưa được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của các đơn vị thuộc và trực thuộc (tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3 Mục I); - Cơ quan chưa có trang thông tin điện tử (tiêu chí 7.1 Mục II); - Đối với công tác áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, cơ quan chưa tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ và thực hiện xem xét của lãnh đạo năm 2016 (tiêu chí 7.3.3).

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
23	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	98	86	84	85,71%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ chưa đầy đủ 07 lĩnh vực cải cách hành chính (tiêu chí 1.2 Mục I); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II).
24	Công an tỉnh	93	85,5	72,75	78,23%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.4 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa ban hành Quy chế quản lý, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Không gửi Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho Sở Tư pháp (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa triển khai xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh (tiêu chí 4.3 Mục II); - Mức độ ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành còn thấp (tiêu chí 7.2.1, 7.2.2 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
25	Kho bạc Nhà nước tỉnh	100	81,5	76,75	76,75%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.4 Mục I); - Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính dưới 30% đơn vị thuộc và trực thuộc (tiêu chí 2.1 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp (tiêu chí 1.3 Mục II); - Chưa triển khai xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh (tiêu chí 4.3 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							Mục II); - Cơ quan chưa có trang thông tin điện tử (tiêu chí 7.1 Mục II).
26	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	100	86,5	66	66,00%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ, xác định nhiệm vụ chưa đầy đủ 07 lĩnh vực, không có phụ lục xác định kết quả đạt được, thời gian, trách nhiệm triển khai của các đơn vị thuộc và trực thuộc (tiêu chí 1 Mục I); - Thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính dưới 30% đơn vị thuộc và trực thuộc, không có báo cáo kết quả kiểm tra và văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (tiêu chí 2 Mục I); - Triển khai các hoạt động tuyên truyền cải cách hành chính chưa đầy đủ theo phân công tại Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Không Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật (tiêu chí 1.3 Mục II); - Không Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Sở Tư pháp tổng hợp (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Chưa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh (tiêu chí 4.3 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ - trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Chưa sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để trao đổi công việc (tiêu chí 7.2.2 Mục II); - Chưa triển khai đầy đủ các hoạt động trong công tác áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (tiêu chí 7.3 Mục II).

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
III	UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ						
27	UBND huyện Diên Khánh	99	91	86,5	87,37%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử (tiêu chí 2.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Thực hiện tổng hợp nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); đề nghị quan tâm hồ sơ tồn đọng năm 2016 (32,99% hồ sơ tồn đọng); - Tỷ lệ công chức cấp xã và cán bộ cấp xã đạt chuẩn chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8 Mục II); - Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của cơ quan chưa kịp thời theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP (tiêu chí 7.1.2 Mục II).
28	UBND huyện Khánh Vĩnh	99	95	84,5	85,35%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ (tiêu chí 1.1 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.1 Mục I); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực tư pháp, nội vụ (tiêu chí 2.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện quy chế làm việc theo nhiệm kỳ mới (tiêu chí 3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Thực hiện tổng hợp nhưng chưa đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã và cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8 Mục II).
29	UBND thành phố	99	87,5	81,25	82,07%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
	Nha Trang						<ul style="list-style-type: none"> - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực tư pháp, y tế (tiêu chí 2.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8.1 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
30	UBND thị xã Ninh Hòa	99	89	79,75	80,56%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.4 Mục I); - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực giáo dục, văn hóa thể thao, y tế (tiêu chí 2.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã và cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
31	UBND huyện Vạn Ninh	99	88,5	76,25	77,02%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính xác định nhiệm vụ thiếu lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tiêu chí 1.2 Mục I); - Thực hiện chưa đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<ul style="list-style-type: none"> - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực giáo dục đào tạo, viễn thông và Internet (tiêu chí 2.2 Mục II); - Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không đúng thời gian quy định (2.3.2 Mục II); - Chưa hoàn thiện quy chế làm việc theo nhiệm kỳ mới (tiêu chí 3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); đề nghị quan tâm hồ sơ tồn đọng năm 2016 (18,5% hồ sơ tồn đọng); - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8.2 Mục II).
32	UBND thành phố Cam Ranh	99	85	75,5	76,26%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực chứng thực, tư pháp, viễn thông và internet, lao động (tiêu chí 2.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8.2 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							UBND tỉnh.
33	UBND huyện Cam Lâm	99	86	75	75,76%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ (tiêu chí 1.1 Mục I); - Đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tuy nhiên chưa ban hành văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Không báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II); - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực y tế, tư pháp, lao động (tiêu chí 2.2 mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã và cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8 Mục II); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.
34	UBND huyện Khánh Sơn	99	86	70,25	70,96%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trễ (tiêu chí 1.1 Mục I); - Đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tuy nhiên chưa ban hành văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Thực hiện chưa đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định, chưa bám sát đề cương hướng dẫn của Sở Nội vụ (tiêu chí 4.2, 4.3 Mục I); - Không tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Không Báo cáo rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định (tiêu chí 1.3 Mục II);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<ul style="list-style-type: none"> - Công khai chưa đầy đủ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử - chưa đầy đủ lĩnh vực y tế, tư pháp, giáo dục đào tạo (tiêu chí 2.2 Mục II); - Không Báo cáo rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (tiêu chí 2.3.2 Mục II); - Xây dựng Đề án vị trí việc làm chậm so với thời gian quy định (tiêu chí 3.5 Mục II); - Chưa thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính hàng tháng (tiêu chí 4.4.1 Mục II); - Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính thấp (tiêu chí 4.5 Mục II); - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã chưa đạt yêu cầu (tiêu chí 5.8.2 Mục II).
IV CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP							
35	Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang	100	87,25	85,5	85,50%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tuy nhiên chưa ban hành văn bản chỉ đạo khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm tra (tiêu chí 2.3 Mục I); - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Chưa thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận đường dây nóng, quy định quy trình tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ (tiêu chí 2.4.1 Mục II); - Báo cáo không đầy đủ tình hình thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (tiêu chí 4.5 Mục II).
36	Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Thủy lợi	90	72	76,5	85,00%	TỐT	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện (tiêu chí 1.3 Mục I); - Triển khai không đầy đủ, kịp thời các công việc, nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo của UBND tỉnh.

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
37	Ban Quản lý Khu du lịch Bán đảo Cam Ranh	90	75,25	77,25	83,97%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện (tiêu chí 1.3 Mục I); - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác cải cách hành chính không đầy đủ (tiêu chí 5.2 Mục I); - Chưa thực hiện rà soát quy chế phối hợp hoạt động, thực hiện nhiệm vụ với các ngành, địa phương liên quan (tiêu chí 1.2 Mục II).
38	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng	100	75,5	73,5	81,67%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, chưa hoàn thành các nhiệm vụ được đề ra trong kế hoạch (tiêu chí 1.3, 1.4 Mục I); - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác cải cách hành chính không đầy đủ (tiêu chí 5.2 Mục I); - Chưa chú trọng việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (tiêu chí 4.5 Mục II).
39	Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	90	84	80,5	80,50%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đề ra tại kế hoạch (tiêu chí 1.3, 1.4 Mục I); - Đã ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, thực hiện kiểm tra lồng ghép với các nội dung kiểm tra khác của cơ quan, tuy nhiên không có báo cáo kết quả kiểm tra cũng như văn bản chỉ đạo khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm tra (tiêu chí 2.2, 2.3 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác cải cách hành chính không đầy đủ (tiêu chí 5.2 Mục I);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<p>Mục I);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa thực hiện tổng kết công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.3 Mục I); - Thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng chưa đầy đủ (tiêu chí 6.3 Mục II); - Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các quy trình cung cấp dịch vụ còn thấp (tiêu chí 6.4 Mục II).
40	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	90	68	77	77,00%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (5.1 Mục I); - Trường có rà soát các quy định, quy chế về tổ chức và hoạt động của trường nhưng chưa có báo cáo, kiến nghị cụ thể (tiêu chí 1.1 Mục II); - Chưa thực hiện rà soát, hoàn thiện các quy định, quy chế về thái độ, phương thức, trách nhiệm phục vụ khách hàng (tiêu chí 1.3 Mục II); - Chưa thực thi các giải pháp đơn giản hóa, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình thủ tục giao dịch, phục vụ khách hàng (tiêu chí 2.3 Mục II); - Chưa tổ chức thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về chất lượng cung cấp dịch vụ (tiêu chí 2.4 Mục II); - Chưa thực hiện rà soát đề xuất phương án đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính (tiêu chí 5.2 Mục II); - Mức độ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến còn ít (tiêu chí 6.1.2 Mục II); - Thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng chưa đầy đủ (tiêu chí 6.3 Mục II); - Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các quy trình cung cấp dịch vụ còn thấp (tiêu chí 6.4 Mục II).
41	Ban Quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh	92	65,5	69,25	76,94%	KHÁ	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện; chưa hoàn thành một số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.3, 1.4 Mục I); - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
	Hòa						<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I); - Tham gia tập huấn nghiệp vụ công tác cải cách hành chính không đầy đủ (tiêu chí 5.2 Mục I); - Chưa thực hiện rà soát quy chế phối hợp hoạt động, thực hiện nhiệm vụ với các ngành, địa phương liên quan (tiêu chí 1.2 Mục II); - Chưa xây dựng Đề án vị trí việc làm (tiêu chí 3.3 Mục II); - Chưa xây dựng Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức (tiêu chí 4.4 Mục II); - Chưa thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng (tiêu chí 6.3 Mục II).
42	Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm	100	75	67	74,44%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện (tiêu chí 1.3 Mục I); - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Chưa rà soát quy chế phối hợp hoạt động, thực hiện nhiệm vụ với các ngành, địa phương có liên quan (tiêu chí 1.2 Mục II); - Chưa thực thi các giải pháp đơn giản hóa, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình thủ tục giao dịch, phục vụ khách hàng (tiêu chí 2.3 Mục II); - Chưa thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng (tiêu chí 6.3 Mục II).
43	Trường Đại học Khánh Hòa	100	75	65,75	65,75%	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính chưa xác định rõ kết quả đạt được, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, thực hiện chưa đầy đủ một số nhiệm vụ tại Kế hoạch cải cách hành chính (tiêu chí 1.3 Mục I); - Không ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính (tiêu chí 2.1 Mục I); - Chưa triển khai đầy đủ các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của tỉnh (tiêu chí 3.2 Mục I); - Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ không đúng thời gian quy định (tiêu chí 4.2 Mục I);

S T T	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ	XẾP HẠNG	NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ
							<ul style="list-style-type: none"> - Chưa thực hiện kiện toàn cán bộ, tổ chức tham mưu công tác cải cách hành chính (tiêu chí 5.1 Mục I); - Chưa rà soát quy chế phối hợp hoạt động, thực hiện nhiệm vụ với các ngành, địa phương có liên quan (tiêu chí 1.2 Mục II); - Chưa triển khai các giải pháp đơn giản hóa, hợp lý hóa các quy trình nghiệp vụ phục vụ khách hàng (tiêu chí 2.3 Mục II); - Chưa báo cáo kết quả tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định (tiêu chí 2.4.2 Mục II); - Không ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không tổ chức thực hiện (tiêu chí 4.5 Mục II); - Chưa sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để trao đổi công việc (tiêu chí 6.2.2 Mục II); - Chưa thực hiện tiêu chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ, phục vụ khách hàng (tiêu chí 6.3 Mục II); - Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các quy trình cung cấp dịch vụ còn thấp (tiêu chí 6.4 Mục II).